

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings
V60MF

RANK	NAME	CURRENT AS OF: YOB	2/15/2026 DIVISION	ROLLING TOTAL	V60 - FEB PLACE	2026 POINTS	V60 - APR PLACE	2025 POINTS	V60 - NTLS PLACE	2025 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2205 POINTS
1T	Balestracci, Chris	1962	Connecticut	768	18	138	2	368	1	400	32	0
1T	Dew, Eric	1963	Northern CA	768	2	368	1	400	9	214	24	0
3	Olivares, Frets G	1965	Gold Coast	648	17	140	5	280	2	368	np	0
4	Voyaziakis, Emanuel	1963	Metropolitan NYC	618	6	278	3	340	18	138	np	0
5	Kaihatsu, Edward J	1959	Illinois	558	19	136	6	278	5	280	18	0
6	Pimoutkine, Roustam R	1965	Metro NYC	554	3	340	9	214	np	0	np	0
7	Hayenga, Gary M	1962	Michigan	551	8	274	8	274	6.5	277	np	0
8	Douraghy, Jamie	1959	Southern California	550	3	340	11	210	12	208	np	0
9	Diaz, Julio P	1964	Georgia	482	5	280	np	0	15	202	np	0
10	Dell, George H	1958	Illinois	480	7	276	np	0	14	204	np	0
11	Karolak, Dale W	1959	Michigan	420	30	114	12	208	10	212	np	0
12	Wilbert, Matt	1959	New England	418	12	208	16	200	11	210	np	0
13	Estell, Oscar M	1961	Central California	410	np	0	14	204	13	206	np	0
14	Epply-schmidt, Paul	1960	New Jersey	400	1	400	np	0	np	0	np	0
15	Powers, Douglas A	1966	Western WA	352	10	212	np	0	np	0	np	0
16	Denman, Matthew	1964	Southwest OH	350	9	214	np	0	19	136	np	0
17	Wharton, David	1961	Southern CA	346	13	206	23	128	17	140	np	0
18	Abrahams, Paul	1962	GBR	340	np	0	3	340	np	0	np	0
19	Zeiss, Gary M	1958	Southern CA	336	21	132	19	136	16	200	np	0
20	Treanor, Donald	1958	National	332	15	202	22	130	np	0	43	0
21	Pavlovich, Robert	1959	Long Island	274	20	134	17	140	np	0	np	0
22	Lesniak, Chuck	1962	South TX	262	28	118	20	134	23	128	np	0
23	Lim, Richard	1957	Southern CA	255	25.5	123	21	132	np	0	np	0
24	Done, Harris	1963	Southern CA	254	23	128	24	126	np	0	np	0
25	Berger, Jamie	1964	Southern California	250	22	130	27	120	np	0	np	0
26	Mahnken, Thomas G	1965	Virginia	248	25.5	123	25	124	25	124	np	0
27	Wemple, Charles	1964	Gulf Coast	231	29	116	29.5	115	30	114	np	0
28	Chernomashentsev, Alan	1966	Gateway FL	210	11	210	np	0	np	0	np	0
29	Reynolds, Adam	1963	AUS	206	np	0	13	206	np	0	29	0
30	Jones, Sam J	1960	South TX	204	14	204	np	0	np	0	np	0
31	Lynders, William	1961	Connecticut	200	16	200	np	0	np	0	np	0
32	Jeffcoat, Timothy	1966	Utah-S.Idaho	190	33	70	np	0	np	0	np	0
33	Giraldo, Elias	1964	Orange Coast	181	34	69	31	112	np	0	np	0
34	Chao, Pierre	1966	Capitol	134	np	0	np	0	np	0	np	0
35	Hagopian, Mitchell	1959	Wisconsin	132	np	0	np	0	21	132	np	0
36	Procopio, Gregory M	1963	Orange Coast	130	np	0	np	0	22	130	np	0
37T	Krauss, John W	1959	Northeast	126	np	0	np	0	24	126	np	0
37T	Johanson, David B	1959	Colorado	126	24	126	np	0	np	0	np	0
39T	Lima, Roberto	1958	BRA	122	np	0	26	122	np	0	np	0
39T	Ryan, Sean	1959	Arizona	122	np	0	np	0	26	122	np	0
41T	Svihl, Dale	1961	Michigan	120	27	120	np	0	np	0	np	0
41T	Yoo, Terry S	1963	Maryland	120	np	0	np	0	27	120	np	0
43T	Van Stein, Thomas	1961	Utah-S.Idaho	118	np	0	28	118	np	0	np	0
43T	Jenkins, Michael	1963	Metro NYC	118	np	0	np	0	28	118	np	0
45T	Cheng, Stephen	1961	North TX	112	np	0	np	0	31	112	np	0
45T	Zaidi, Sohail	1964	Maryland	112	31	112	np	0	np	0	np	0
47	Dover, Felix	1963	N. Carolina	110	32	110	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings
V60MF

CURRENT AS OF:	V50 - APR	2025	V50 - NTLS	2025	V50 - WORLDS	2025
2/15/2026	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
Balestracci, Chris	np	0	np	0	np	0
Dew, Eric	np	0	np	0	np	0
Olivares, Frets G	np	0	np	0	np	0
Voyiazakis, Emanuel	np	0	np	0	np	0
Kaihatsu, Edward J	np	0	np	0	np	0
Pimoutkine, Roustam R	np	0	np	0	np	0
Hayenga, Gary M	np	0	np	0	np	0
Douraghy, Jamie	np	0	np	0	np	0
Diaz, Julio P	np	0	np	0	np	0
Dell, George H	np	0	np	0	np	0
Karolak, Dale W	np	0	np	0	np	0
Wilbert, Matt	np	0	np	0	np	0
Estell, Oscar M	np	0	np	0	np	0
Epply-schmidt, Paul	np	0	np	0	np	0
Powers, Douglas A	18	138	17	140	np	0
Denman, Matthew	np	0	np	0	np	0
Wharton, David	np	0	np	0	np	0
<i>Abrahams, Paul</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Zeiss, Gary M	np	0	np	0	np	0
Treanor, Donald	np	0	np	0	np	0
Pavlovich, Robert	np	0	np	0	np	0
Lesniak, Chuck	np	0	np	0	np	0
Lim, Richard	np	0	np	0	np	0
Done, Harris	np	0	np	0	np	0
Berger, Jamie	np	0	np	0	np	0
Mahnken, Thomas G	np	0	np	0	np	0
Wemple, Charles	np	0	np	0	np	0
Chernomashentsev, Alan	np	0	np	0	np	0
<i>Reynolds, Adam</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Jones, Sam J	np	0	np	0	np	0
Lynders, William	np	0	np	0	np	0
Jeffcoat, Timothy	40	63	27	120	np	0
Giraldo, Elias	np	0	np	0	np	0
Chao, Pierre	36	67	36	67	np	0
Hagopian, Mitchell	np	0	np	0	np	0
Procopio, Gregory M	np	0	np	0	np	0
Krauss, John W	np	0	np	0	np	0
Johanson, David B	np	0	np	0	np	0
<i>Lima, Roberto</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Ryan, Sean	np	0	np	0	np	0
Svihl, Dale	np	0	np	0	np	0
Yoo, Terry S	np	0	np	0	np	0
Van Stein, Thomas	np	0	np	0	np	0
Jenkins, Michael	np	0	np	0	np	0
Cheng, Stephen	np	0	np	0	np	0
Zaidi, Sohail	np	0	np	0	np	0
Dover, Felix	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)